

**NỘI DUNG ÔN TẬP \_ KHỐI 11**  
**CÁC MÔN KIỂM TRA TẬP TRUNG CUỐI KỲ HỌC KỲ II**  
**NĂM HỌC 2022 – 2023**

**1. TOÁN HỌC**

| Stt | Nội dung kiến thức<br>(Tên chương/bài/chủ đề) | Đơn vị kiến thức<br>(vấn đề/dạng bài tập cần lưu ý)                                                      | Yêu cầu kiến thức, kỹ năng cần kiểm tra                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | Thời lượng – hình<br>thức làm bài                                   |
|-----|-----------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------|
| 1   | <b>Giới hạn của dãy số</b>                    | 1.1 Giới hạn hữu hạn của dãy số<br>1.2 Tổng của cấp số nhân lùi vô hạn<br>1.3 Giới hạn vô cực của dãy số | <b>1) Nhận biết:</b><br>Dùng công thức giới hạn đặc biệt để nhận biết kết quả của một vài giới hạn đặc biệt.<br><b>2) Thông hiểu:</b><br>- Dùng công thức giới hạn đặc biệt và định lý về giới hạn hữu hạn để tính giới hạn hữu hạn của dãy số.<br>- Biết sử dụng công thức và tính được tổng của cấp số nhân lùi vô hạn.<br>- Dùng công thức giới hạn đặc biệt và định lý về giới hạn vô cực để tính giới hạn vô cực của dãy số.<br><b>3) Vận dụng:</b><br>Dùng công thức giới hạn đặc biệt và định lý về giới hạn hữu hạn và giới hạn vô cực để tính giới hạn của dãy số.<br><b>4) Vận dụng cao:</b> | - Thời lượng: 60 phút.<br>- Hình thức: Trắc nghiệm kết hợp tự luận. |
| 2   | <b>Giới hạn của hàm số</b>                    | 2.1 Giới hạn hữu hạn của hàm số tại một điểm<br>2.2 Giới hạn một bên<br>2.3 Giới hạn hữu hạn của hàm     | <b>1) Nhận biết:</b><br>Dùng định nghĩa và định lý giới hạn hữu hạn để tính giới hạn hữu hạn của hàm số không ở dạng vô định.<br><b>2) Thông hiểu:</b><br>- Tính được giới hạn hữu hạn của hàm số tại một điểm.<br>- Tính được giới hạn một bên của hàm số.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |                                                                     |

| Stt | Nội dung kiến thức<br>(Tên chương/bài/chủ đề) | Đơn vị kiến thức<br>(vấn đề/dạng bài tập cần lưu ý)                                                                                                          | Yêu cầu kiến thức, kỹ năng cần kiểm tra                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | Thời lượng – hình thức làm bài |
|-----|-----------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------|
|     |                                               | số tại vô cực.<br><br>2.4 Giới hạn vô cực của hàm số                                                                                                         | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tính được giới hạn hữu hạn của hàm số tại vô cực.</li> <li>- Tính được giới hạn vô cực của hàm số.</li> </ul> <b>3) Vận dụng:</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tính được giới hạn hữu hạn của hàm số tại một điểm.</li> <li>- Tính được giới hạn một bên của hàm số.</li> <li>- Tính được giới hạn hữu hạn của hàm số tại vô cực.</li> <li>- Tính được giới hạn vô cực của hàm số.</li> </ul> <b>4) Vận dụng cao:</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tính được giới hạn hữu hạn của hàm số tại vô cực.</li> <li>- Tính được giới hạn vô cực của hàm số.</li> </ul> |                                |
| 3   | <b>Hàm số liên tục</b>                        | 3.1 Hàm số liên tục tại một điểm<br><br>3.2 Tính liên tục của hàm đa thức, hàm phân thức hữu tỉ.<br><br>3.3 Phương trình có số nghiệm thỏa yêu cầu bài toán. | <b>1) Nhận biết:</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Biết hàm đa thức liên tục trên <math>\mathbf{R}</math>.</li> <li>- Biết hàm phân thức liên tục trên từng khoảng xác định.</li> </ul> <b>2) Thông hiểu:</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Biết xét tính liên tục của hàm số tại một điểm.</li> <li>- Biết xét tính liên tục của hàm số trên một khoảng.</li> <li>- Biết chứng tỏ phương trình có số nghiệm thỏa yêu cầu bài toán.</li> </ul> <b>3) Vận dụng:</b><br>Biết xét tính liên tục của hàm số tại một điểm.                                                                                       |                                |
| 4   | <b>Đạo hàm</b>                                | 4.1 Tính đạo hàm tại một điểm bằng định nghĩa<br><br>4.2 Phương trình tiếp tuyến<br><br>4.3 Quy tắc đạo hàm- Đạo hàm của hàm lượng giác                      | <b>1) Nhận biết:</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Sử dụng định nghĩa, tính đạo hàm tại một điểm của hàm số đơn giản</li> <li>- Sử dụng quy tắc đạo hàm, tính đạo hàm của một số hàm số thường gặp</li> <li>- Từ phương trình tiếp tuyến, chỉ ra được hệ số góc của tiếp tuyến.</li> </ul> <b>2) Thông hiểu:</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Sử dụng quy tắc đạo hàm, các phép toán để tính đạo hàm</li> </ul>                                                                                                                                                                                            |                                |

| Sst | Nội dung kiến thức<br>(Tên chương/bài/chủ đề) | Đơn vị kiến thức<br>(vấn đề/dạng bài tập cần lưu ý)                                      | Yêu cầu kiến thức, kỹ năng cần kiểm tra                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | Thời lượng – hình thức làm bài |
|-----|-----------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------|
|     |                                               |                                                                                          | <p>của một số hàm số và tính đạo hàm của hàm số tại một điểm</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Viết trình tiếp tuyến khi biết hoành độ/tung độ tiếp điểm hoặc tọa độ tiếp điểm</li> </ul> <p><b>3) Vận dụng:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Sử dụng định nghĩa, tính đạo hàm của các hàm số tại một điểm</li> <li>- Tính đạo hàm của hàm hợp.</li> <li>- Sử dụng đạo hàm để tìm tập nghiệm của bất phương trình</li> <li>- Viết trình tiếp tuyến khi biết hệ số góc của tiếp tuyến</li> <li>- Viết trình tiếp tuyến khi biết tiếp tuyến song song hoặc vuông góc với một đường thẳng cho trước</li> </ul> <p><b>4) Vận dụng cao:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Sử dụng đạo hàm của hàm hợp để tìm tập nghiệm của bất phương trình</li> <li>- Viết trình tiếp tuyến khi biết tiếp tuyến đi qua điểm nào đó không thuộc đồ thị</li> </ul> |                                |
| 5   | <b>Vi phân</b>                                | Vi phân                                                                                  | <p><b>1) Nhận biết:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tìm vi phân của hàm số đơn giản.</li> </ul> <p><b>2) Thông hiểu:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tìm vi phân của hàm số hợp.</li> </ul> <p><b>3) Vận dụng:</b></p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |                                |
| 6   | <b>Hai đường thẳng vuông góc</b>              | <p>6.1 Chứng minh hai đường thẳng vuông góc</p> <p>6.2 Tính góc giữa hai đường thẳng</p> | <p><b>1) Nhận biết:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Từ giả thiết đường thẳng vuông góc mặt phẳng, nhận ra được các đường thẳng vuông góc.</li> <li>- Tìm được góc giữa hai đường thẳng trong trường hợp đặc biệt (vuông góc)</li> </ul> <p><b>2) Thông hiểu:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chứng minh hai đường thẳng vuông góc trong trường hợp đơn giản.</li> <li>- Tìm được góc giữa hai đường thẳng trong trường hợp đơn</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |                                |

| Stt | Nội dung kiến thức<br>(Tên chương/bài/chủ đề) | Đơn vị kiến thức<br>(vấn đề/dạng bài tập cần lưu ý)                                              | Yêu cầu kiến thức, kỹ năng cần kiểm tra                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | Thời lượng – hình thức làm bài |
|-----|-----------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------|
|     |                                               |                                                                                                  | giản.<br><b>3) Vận dụng:</b><br>- Chứng minh hai đường thẳng vuông góc<br>- Tìm được góc giữa hai đường thẳng.<br><b>4) Vận dụng cao:</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |                                |
| 7   | <b>Đường thẳng vuông góc mặt phẳng</b>        | 7.1 Chứng minh đường thẳng vuông góc mặt phẳng<br><br>7.2 Tính góc giữa đường thẳng và mặt phẳng | <b>1) Nhận biết:</b><br>- Từ giả thiết nhận ra được đường thẳng- mặt phẳng nào vuông góc.<br>- Nhận ra được đường thẳng- mặt phẳng nào vuông góc trong các trường hợp đặc biệt.<br>-Xác định góc giữa đường thẳng và mặt phẳng trong trường hợp đặc biệt (vuông góc)<br><b>2) Thông hiểu:</b><br>- Chứng minh đường thẳng vuông góc mặt phẳng trong trường hợp đơn giản<br>-Xác định góc giữa đường thẳng và mặt phẳng trong trường hợp đơn giản<br><b>3) Vận dụng</b><br>- Chứng minh đường thẳng vuông góc mặt phẳng trong trường hợp khác<br>-Xác định góc giữa đường thẳng và mặt phẳng trong trường hợp khác<br><b>4) Vận dụng cao:</b> |                                |
| 8   | <b>Hai mặt phẳng vuông góc</b>                | 8.1 Chứng minh hai mặt phẳng vuông góc<br><br>8.2 Tính góc giữa hai mặt phẳng                    | <b>1) Nhận biết:</b><br>- Từ giả thiết nhận ra được cặp mặt phẳng nào vuông góc.<br>-Xác định góc giữa hai mặt phẳng trong trường hợp đặc biệt (vuông góc)<br><b>2) Thông hiểu:</b><br>- Chứng minh hai mặt phẳng vuông góc trong trường hợp đơn giản                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |                                |

| Stt | Nội dung kiến thức<br>(Tên chương/bài/chủ đề) | Đơn vị kiến thức<br>(vấn đề/dạng bài tập cần lưu ý)                                                                                                                                                                 | Yêu cầu kiến thức, kỹ năng cần kiểm tra                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | Thời lượng – hình thức làm bài |
|-----|-----------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------|
|     |                                               |                                                                                                                                                                                                                     | -Xác định góc giữa hai mặt phẳng trong trường hợp đơn giản<br><b>3) Vận dụng</b><br>- Chứng minh hai mặt phẳng vuông góc trong một số trường hợp<br>-Xác định góc giữa hai mặt phẳng trong một số trường hợp<br><b>4) Vận dụng cao:</b><br>-Xác định góc giữa hai mặt phẳng trong trường hợp khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |                                |
| 9   | <b>Khoảng cách</b>                            | 9.1 Tính khoảng cách từ điểm đến mặt phẳng<br><br>9.2 Tính khoảng cách giữa đường thẳng và mặt phẳng song song, khoảng cách giữa hai mặt phẳng song song<br><br>9.3 Tính khoảng cách giữa hai đường thẳng chéo nhau | <b>1) Nhận biết:</b><br>-Tính được khoảng cách từ điểm đến mặt phẳng, khoảng cách từ đường thẳng đến mặt phẳng song song, khoảng cách giữa hai mặt phẳng song song trong các trường hợp đặc biệt.<br><b>2) Thông hiểu:</b><br>Tính được khoảng cách từ điểm đến mặt phẳng, khoảng cách từ đường thẳng đến mặt phẳng song song, khoảng cách giữa hai mặt phẳng song song trong các trường hợp đơn giản.<br><b>3) Vận dụng:</b><br>-Tính được khoảng cách từ điểm đến mặt phẳng, khoảng cách từ đường thẳng đến mặt phẳng song song, khoảng cách giữa hai mặt phẳng song song trong các trường hợp khác.<br>-Chỉ ra được đoạn vuông góc chung, tính được khoảng cách giữa hai đường thẳng chéo nhau trong trường hợp hai đường thẳng vừa chéo nhau, vừa vuông góc nhau.<br><b>4) Vận dụng cao:</b><br>- Chỉ ra được đoạn vuông góc chung, tính được khoảng cách giữa hai đường thẳng chéo nhau trong trường hợp hai đường thẳng chéo nhau nhưng không vuông góc nhau. |                                |

## 2. VẬT LÝ

| Stt | Nội dung kiến thức<br>(Tên chương/bài/chủ đề) | Đơn vị kiến thức<br>(vấn đề/dạng bài tập cần lưu ý)     | Yêu cầu kiến thức, kỹ năng cần kiểm tra                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | Thời lượng – hình thức làm bài                                                                                              |
|-----|-----------------------------------------------|---------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1   | Cảm ứng điện từ                               | 1.1. Từ thông. Cảm ứng điện từ. Suất điện động cảm ứng. | <b>Nhận biết:</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Viết được công thức tính từ thông qua một diện tích và nêu được đơn vị đo từ thông.</li> <li>- Biết thí nghiệm về hiện tượng cảm ứng điện từ.</li> <li>- Phát biểu được định luật Len-xơ.</li> <li>- Phát biểu được định luật Fa-ra-đây về cảm ứng điện từ.</li> <li>- Định nghĩa dòng điện Fu-cô.</li> </ul> <b>Thông hiểu:</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nắm được công thức tính từ thông: <math>\Phi = BS \cos \alpha</math></li> <li>- Nêu được các cách làm biến đổi từ thông.</li> <li>- Mô tả được thí nghiệm về hiện tượng cảm ứng điện từ.</li> <li>- Xác định được chiều của dòng điện cảm ứng theo định luật Len-xơ.</li> </ul> <p>Nắm được các công thức: Độ lớn suất điện động cảm ứng xuất hiện trong mạch kín tỉ lệ với tốc độ biến thiên từ thông qua mạch kín đó.</p> <p>Nếu đề ý đến chiều của dòng điện cảm ứng theo định luật Len- xơ, thì ta có hệ thức tính suất điện động cảm ứng:</p> $e_c = \left  \frac{\Delta \Phi}{\Delta t} \right $ | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thời lượng: 45 phút.</li> <li>- Hình thức: Trắc nghiệm kết hợp tự luận.</li> </ul> |
|     |                                               | 1.2. Tự cảm                                             | <b>Nhận biết:</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Biết khái niệm từ thông riêng.</li> <li>- Nắm được khái niệm độ tự cảm, đơn vị đo độ tự cảm..</li> <li>- Nêu được định nghĩa hiện tượng tự cảm</li> <li>- Biết khái niệm suất điện động tự cảm</li> </ul> <b>Thông hiểu:</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Hiểu công thức: <math>L = \frac{\Phi}{I} \neq Li</math></li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |                                                                                                                             |

| Stt | Nội dung kiến thức<br>(Tên chương/bài/chủ đề) | Đơn vị kiến thức<br>(vấn đề/dạng bài tập cần lưu ý) | Yêu cầu kiến thức, kỹ năng cần kiểm tra                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | Thời lượng – hình thức làm bài |
|-----|-----------------------------------------------|-----------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------|
|     |                                               |                                                     | <ul style="list-style-type: none"> <li>Nắm được công thức tính suất điện động tự cảm:</li> </ul> $e_{tc} = - L \frac{\Delta i}{\Delta t}$ <p><b>Vận dụng:</b><br/>Biết cách tính suất điện động tự cảm theo công thức.</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |                                |
| 2   | <b>Khúc xạ ánh sáng</b>                       | Khúc xạ ánh sáng. Phản xạ toàn phần                 | <p><b>Nhận biết:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>Phát biểu được định luật khúc xạ ánh sáng</li> <li>Biết khái niệm chiết suất tỉ đối.</li> <li>Biết khái niệm chiết suất tuyệt đối.</li> <li>Biết thí nghiệm về hiện tượng phản xạ toàn phần.</li> <li>Nêu được khái niệm phản xạ toàn phần.</li> <li>Biết điều kiện để xảy ra phản xạ toàn phần</li> <li>Biết công thức tính góc giới hạn phản xạ toàn phần.</li> </ul> <p><b>Thông hiểu:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>Hiểu định luật khúc xạ ánh sáng.</li> <li>Nắm được khái niệm chiết suất tỉ đối, chiết suất tuyệt đối và công thức liên hệ giữa chúng.</li> <li>Mô tả được thí nghiệm về hiện tượng phản xạ toàn phần.</li> <li>Nắm được khái niệm phản xạ toàn phần, điều kiện để xảy ra phản xạ toàn phần và công thức tính góc giới hạn phản xạ toàn phần.</li> </ul> <p><b>Vận dụng:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>Vận dụng các hệ thức trong định luật khúc xạ ánh sáng để tính chiết suất, góc tới, góc khúc xạ ...</li> <li>Biết nhận dạng các trường hợp xảy ra hiện tượng phản xạ toàn phần của tia sáng khi qua mặt phân cách.</li> </ul> <p>Tính được góc giới hạn phản xạ toàn phần và các đại lượng trong công thức tính góc giới hạn.</p> |                                |

| Stt | Nội dung kiến thức<br>(Tên chương/bài/chủ đề) | Đơn vị kiến thức<br>(vấn đề/dạng bài tập cần lưu ý) | Yêu cầu kiến thức, kỹ năng cần kiểm tra                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | Thời lượng – hình thức làm bài |
|-----|-----------------------------------------------|-----------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------|
| 3   | <b>Mắt và các dụng cụ quang học</b>           | 3.1. Lăng kính                                      | <b>Nhận biết:</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>Nắm được cấu tạo của lăng kính</li> <li>Biết đường truyền của tia sáng qua lăng kính, khi có tia ló ra khỏi lăng kính, thì tia ló bao giờ cũng lệch về phía đáy lăng kính so với tia tới.</li> <li>Góc tạo bởi tia ló ra khỏi lăng kính và tia tới đi vào lăng kính, gọi là góc lệch D của tia sáng khi truyền qua lăng kính.</li> <li>Biết đường truyền của tia sáng qua lăng kính</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |                                |
|     |                                               | 3.2. Thấu kính mỏng                                 | <b>Nhận biết:</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>Nêu được định nghĩa thấu kính.</li> <li>Nắm được các khái niệm: Quang tâm, tiêu điểm chính, tiêu điểm phụ, tiêu diện.</li> <li>Nắm được đặc điểm của các tia sáng truyền qua thấu kính.</li> <li>Biết độ tụ của thấu kính là đại lượng được đo bằng nghịch đảo của tiêu cự : <math display="block">D = \frac{1}{f}</math> </li> <li>Biết độ tụ đo bằng điốp (dp).</li> <li>Biết các công thức thấu kính.</li> </ul> <b>Thông hiểu:</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>Nắm được các khái niệm: Quang tâm, tiêu điểm chính, tiêu điểm phụ, tiêu diện và đặc điểm của chúng.</li> <li>Hiểu được đặc điểm của các tia sáng đặc biệt truyền qua thấu kính.</li> <li>Nắm được khái niệm độ tụ của thấu kính và đơn vị đo độ tụ. Nắm được các công thức thấu kính.</li> </ul> <b>Vận dụng:</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>Biết cách tính số phóng đại của ảnh và các đại lượng trong các công thức thấu kính.</li> </ul> |                                |

| Stt | Nội dung kiến thức<br>(Tên chương/bài/chủ đề) | Đơn vị kiến thức<br>(vấn đề/dạng bài tập cần lưu ý) | Yêu cầu kiến thức, kỹ năng cần kiểm tra                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | Thời lượng – hình thức làm bài |
|-----|-----------------------------------------------|-----------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------|
|     |                                               |                                                     | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Dựa vào đặc điểm các tia sáng truyền qua thấu kính để vẽ hình.</li> <li>- Biết cách vẽ ảnh của một điểm sáng qua thấu kính.</li> <li>- Biết cách vẽ ảnh của một vật phẳng nhỏ vuông góc với trục chính của thấu kính.</li> <li>- Xác định được tiêu cự của thấu kính phân kì bằng thí nghiệm.</li> </ul> <p><b>Vận dụng cao:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Vận dụng cách vẽ ảnh của một điểm sáng, của một vật phẳng nhỏ vuông góc với trục chính của thấu kính để xác định các đại lượng trong các công thức thấu kính.</li> </ul> <p>Biết cách tính số phóng đại của ảnh và các đại lượng trong các công thức thấu kính.</p>                                                                                                                  |                                |
|     |                                               | 3.3. Mắt                                            | <p><b>Nhận biết:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nêu được cấu tạo của mắt và sự điều tiết của mắt.</li> <li>- Biết các khái niệm điểm CC, CV, khoảng nhìn rõ của mắt.</li> <li>- Biết thế nào là góc trông và năng suất phân li.</li> <li>- Biết các khái niệm mắt cận, mắt viễn, mắt lão.</li> </ul> <p><b>Thông hiểu:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Hiểu cấu tạo của mắt và sự điều tiết của mắt. Về phương diện quang hình học mắt có tác dụng như một thấu kính hội tụ.</li> <li>- Hiểu các khái niệm mắt không điều tiết, mắt điều tiết tối đa.</li> <li>- Nêu được góc trông và năng suất phân li là gì.</li> </ul> <p>Trình bày được các đặc điểm của mắt cận, mắt viễn, mắt lão về mặt quang học và nêu tác dụng của kính cần đeo để khắc phục các tật này.</p> |                                |

### 3. HÓA HỌC

| Stt | Nội dung kiến thức<br>(Tên chương/bài/chủ đề)        | Đơn vị kiến thức<br>(vấn đề/dạng bài tập cần lưu ý)                              | Yêu cầu kiến thức, kỹ năng cần kiểm tra                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | Thời lượng – hình thức làm bài                      |
|-----|------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------|
| 1   | <b>Benzen và đồng đẳng- Một số hydrocacbon khác.</b> | - Benzen và đồng đẳng- Một số hydrocacbon khác.<br>- Luyện tập hydrocacbon thơm. | <b>1) Nhận biết:</b><br>- Đặc điểm cấu tạo của benzen và cách gọi tên một số hydrocacbon thơm đơn giản.<br><b>2) Thông hiểu:</b><br>- Viết được các phản ứng minh họa cho tính chất hóa học của chúng.<br><b>3) Vận dụng:</b><br>- Viết được các đồng phân cấu tạo, các phương trình phản ứng hóa học, nêu được hiện tượng, giải thích hiện tượng,...<br><b>4) Vận dụng cao:</b><br>- Vận dụng các kiến thức đã học để làm các bài tập, bài tập hỗn hợp,...                               | - Thời lượng: 45 phút.<br>- Hình thức: Trắc nghiệm. |
| 2   | <b>Ancol</b>                                         | Ancol                                                                            | <b>1) Nhận biết:</b><br>- Khái niệm, đặc điểm cấu tạo phân tử của ancol, viết đồng phân, gọi tên,...<br><b>2) Thông hiểu:</b><br>- Nắm được các tính chất hóa học cơ bản của ancol no đơn chức, ancol đa chức,...<br><b>3) Vận dụng:</b><br>- Viết được CTCT các đồng phân và gọi tên của ancol cụ thể.<br>- Viết được các phương trình thể hiện tính chất hóa học của ancol và cách điều chế chúng.<br><b>4) Vận dụng cao:</b><br>- Vận dụng các kiến thức đã học để làm các bài tập,... |                                                     |

| Stt | Nội dung kiến thức<br>(Tên chương/bài/chủ đề) | Đơn vị kiến thức<br>(vấn đề/dạng bài tập cần lưu ý)                                     | Yêu cầu kiến thức, kỹ năng cần kiểm tra                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | Thời lượng – hình thức làm bài |
|-----|-----------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------|
| 3   | <b>Phenol</b>                                 | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Phenol</li> <li>- Luyện tập phenol.</li> </ul> | <p><b>1) Nhận biết:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Khái niệm, đặc điểm cấu tạo phân tử của phenol, viết đồng phân, gọi tên,...</li> </ul> <p><b>2) Thông hiểu:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nắm được các tính chất hóa học cơ bản của phenol, so sánh tính axit, ...</li> </ul> <p><b>3) Vận dụng:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Giải thích cơ chế phản ứng thế brom, giải thích tính axit, nêu hiện tượng,...</li> <li>- Viết được các phương trình thể hiện tính chất hóa học của phenol và cách điều chế chúng.</li> </ul> <p><b>4) Vận dụng cao:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Vận dụng các kiến thức đã học để làm các bài tập phenol, bài tập hỗn hợp ancol-phenol,...</li> </ul> |                                |

#### 4. SINH HỌC

| Stt | Nội dung kiến thức<br>(Tên chương/bài/chủ đề)          | Đơn vị kiến thức<br>(vấn đề/dạng bài tập cần lưu ý)                                                                                   | Yêu cầu kiến thức, kỹ năng cần kiểm tra | Thời lượng – hình thức làm bài                      |
|-----|--------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------|-----------------------------------------------------|
| 1   | Bài 31:<br><b>Tập tính ở động vật</b>                  | - Khái niệm<br>- Phân loại<br>- Cơ sở thần kinh tập tính                                                                              |                                         | - Thời lượng: 45 phút.<br>- Hình thức: Trắc nghiệm. |
| 2   | Bài 32:<br><b>Tập tính ở động vật</b>                  | Một số tập tính phổ biến ở động vật                                                                                                   |                                         |                                                     |
| 3   | Bài 34:<br><b>Sinh trưởng ở thực vật</b>               | - Khái niệm<br>- Mô phân sinh<br>- Mô sơ cấp, mô thứ cấp                                                                              |                                         |                                                     |
| 4   | Bài 35:<br><b>Hoocmon ở thực vật</b>                   | - Khái niệm<br>- Phân loại                                                                                                            |                                         |                                                     |
| 5   | Bài 37:<br><b>Sinh trưởng và phát triển ở động vật</b> | - Khái niệm<br>- Sinh trưởng- phát triển không qua biến thái<br>- Sinh trưởng- phát triển qua biến thái: hoàn toàn và không hoàn toàn |                                         |                                                     |

## 5. NGŨ VĂN

| Stt | Nội dung kiến thức<br>(Tên chương/bài/chủ đề)                                                           | Đơn vị kiến thức<br>(vấn đề/dạng bài tập cần lưu ý)                                                                                                                                             | Yêu cầu kiến thức, kỹ năng cần kiểm tra                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | Thời lượng – hình thức làm bài                  |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------|
| 1   | <b>Đọc hiểu</b><br>- Tất cả các văn bản đã học trong sách giáo khoa<br>- Các văn bản ngoài chương trình | - Phong cách ngôn ngữ, phương thức biểu đạt của văn bản<br>- Biện pháp tu từ và nêu tác dụng<br>- Nội dung chính (hoặc chủ đề, câu chủ đề...) của văn bản.<br>- Thông điệp rút ra từ văn bản... | <b>1) Nhận biết:</b><br>- phong cách ngôn ngữ, phương thức biểu đạt, thể thơ của văn bản<br><b>2) Thông hiểu:</b><br>- Chỉ ra được các biện pháp tu từ và nêu tác dụng của nó<br><b>3) Vận dụng:</b><br>- Nêu nội dung chính (hoặc chủ đề, câu chủ đề...) của văn bản<br><b>4) Vận dụng cao:</b><br>- Thông điệp, ý nghĩa rút ra từ văn bản | - Thời lượng: 90 phút.<br>- Hình thức: Tự luận. |
| 2   | <b>Nghị luận xã hội</b>                                                                                 | - Viết đoạn văn nghị luận xã hội được rút ra từ ngữ liệu của phần đọc hiểu.<br>- Độ dài: 200 chữ                                                                                                | <b>1) Nhận biết:</b><br>- Đoạn văn NLXH 200 chữ<br><b>2) Thông hiểu:</b><br>- Xác định vấn đề NLXH đề bài yêu cầu<br><b>3) Vận dụng:</b><br>- Vận dụng các thao tác lập luận<br><b>4) Vận dụng cao:</b><br>- Bày tỏ quan điểm cá nhân, bài học nhận thức                                                                                    |                                                 |
| 3   | <b>Nghị luận văn học</b>                                                                                | Phân tích/cảm nhận bài thơ<br>- <i>Đây thôn Vĩ Dạ</i> (Hàn Mặc Tử)<br>- <i>Từ ấy</i> (Tố Hữu)<br>- <i>Chiều tối</i> (Hồ Chí Minh)                                                               |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |                                                 |

## 6. LỊCH SỬ

| Stt | Nội dung kiến thức<br>(Tên chương/bài/chủ đề)                                                                                          | Đơn vị kiến thức<br>(vấn đề/dạng bài tập cần lưu ý)                                                                                                                                                   | Yêu cầu kiến thức, kỹ năng cần kiểm tra                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | Thời lượng – hình thức làm bài                                                                              |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1   | <p><i>Chủ đề:</i><br/> <b>Nhân dân Việt Nam kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược 1858 – 1884.</b><br/> <i>(Bài 19+ bài 20)</i></p> | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tình hình Việt Nam đến giữa thế kỷ XIX</li> <li>- Quá trình xâm lược của thực dân Pháp và cuộc kháng chiến của nhân dân Việt Nam (1858 – 1884)</li> </ul>    | <p><b>1) Nhận biết:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tình hình Việt Nam đến giữa thế kỷ XIX</li> </ul> <p><b>2) Thông hiểu:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chiến sự ở Đà Nẵng năm 1858</li> <li>- Kháng chiến ở Gia Định</li> <li>- Kháng chiến lan rộng ra các tỉnh miền Đông Nam Kỳ</li> <li>- TDP chiếm 3 tỉnh miền Tây Nam Kỳ và phong trào kháng chiến của nhân dân ta</li> <li>- Kháng chiến lan rộng ra Bắc Kỳ</li> </ul> <p><b>3) Vận dụng:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Hai bản Hiệp ước 1883 và 1884. Nhà nước phong kiến Nguyễn đầu hàng</li> </ul> <p><b>4) Vận dụng cao:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trách nhiệm của nhà Nguyễn trong việc Việt Nam rơi vào tay thực dân Pháp</li> </ul> | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thời lượng: 45 phút.</li> <li>- Hình thức: Trắc nghiệm.</li> </ul> |
| 2   | <p><i>Bài 21:</i><br/> <b>Phong trào yêu nước chống Pháp của nhân dân Việt Nam trong những năm cuối thế kỷ XIX</b></p>                 | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Phong trào Cần Vương bùng nổ</li> <li>- Một số cuộc khởi nghĩa tiêu biểu trong phong trào Cần Vương và phong trào đấu tranh tự vệ cuối thế kỷ XIX</li> </ul> | <p><b>1) Nhận biết:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nguyên nhân phong trào Cần Vương</li> <li>- Diễn biến phong trào Cần Vương</li> </ul> <p><b>2) Thông hiểu:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Cuộc phản công quân Pháp của phái chủ chiến tại kinh thành Huế và sự bùng nổ phong trào Cần Vương</li> <li>- Các giai đoạn phát triển của phong trào Cần Vương</li> </ul> <p><b>3) Vận dụng:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tính chất phong trào Cần Vương</li> </ul> <p><b>4) Vận dụng cao:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Cuộc khởi nghĩa nào là tiêu biểu nhất trong phong trào Cần Vương</li> </ul>                                                                                                     |                                                                                                             |

| Stt | Nội dung kiến thức<br>(Tên chương/bài/chủ đề)                                                    | Đơn vị kiến thức<br>(vấn đề/dạng bài tập cần lưu ý)                                                                     | Yêu cầu kiến thức, kỹ năng cần kiểm tra                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | Thời lượng – hình thức làm bài |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------|
| 3   | Bài 22:<br><b>Xã hội Việt Nam trong cuộc khai thác thuộc địa lần thứ nhất của thực dân Pháp.</b> | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Những chuyển biến về kinh tế</li> <li>- Những chuyển biến về xã hội</li> </ul> | <b>1) Nhận biết:</b><br><ul style="list-style-type: none"> <li>- Những chuyển biến về kinh tế</li> <li>- Những chuyển biến về xã hội</li> </ul> <b>2) Thông hiểu:</b><br><ul style="list-style-type: none"> <li>- Những chuyển biến về xã hội trong cuộc khai thác thuộc địa lần thứ nhất</li> </ul> <b>3) Vận dụng:</b><br><ul style="list-style-type: none"> <li>- Sự chuyển biến về kinh tế, xã hội trong cuộc khai thác thuộc địa lần thứ nhất tác động gì đến phong trào yêu nước ở Việt Nam đầu TK XX</li> </ul> <b>4) Vận dụng cao:</b><br><ul style="list-style-type: none"> <li>-</li> </ul> |                                |

## 7. ĐỊA LÝ

| Stt | Nội dung kiến thức<br>(Tên chương/bài/chủ đề) | Đơn vị kiến thức<br>(vấn đề/dạng bài tập cần lưu ý)             | Yêu cầu kiến thức, kỹ năng cần kiểm tra                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | Thời lượng – hình thức làm bài                                                                              |
|-----|-----------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1   | <b>ĐỊA LÝ CÁC QUỐC GIA VÀ KHU VỰC</b>         | <b>Bài 10.</b><br>Tiết 1. Tự nhiên, dân cư và xã hội Trung Quốc | <b>Nhận biết:</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Xác định được vị trí địa lý của Trung Quốc.</li> <li>- Nêu được đặc điểm lãnh thổ Trung Quốc.</li> <li>- Trình bày được các đặc điểm về tự nhiên, dân cư và xã hội Trung Quốc.</li> </ul> <b>Thông hiểu:</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Phân tích những thuận lợi và khó khăn của VTĐL, lãnh thổ, ĐKTN đến sự phát triển đất nước.</li> <li>- Trình bày được những khác biệt về tự nhiên giữa 2 miền Đông – Tây</li> <li>- Giải thích được sự khác biệt trong phân bố dân cư giữa 2 miền Đông – Tây TQ để từ đó đánh giá được những thuận lợi khó khăn của TQ trong quá trình phát triển.</li> </ul> <b>Vận dụng thấp:</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Phân tích bảng số liệu thống kê.</li> <li>- Tính mật độ dân số, tỷ trọng và xác định các loại biểu đồ thích hợp.</li> </ul> <b>Vận dụng cao:</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Phân tích mức độ cao hơn sự phân bố dân cư gắn với lịch sử.</li> <li>- Mối quan hệ về điều kiện tự nhiên với các nước láng giềng và các khu vực lân cận.</li> </ul> | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thời lượng: 45 phút.</li> <li>- Hình thức: Trắc nghiệm.</li> </ul> |
|     |                                               | <b>Bài 10.</b><br>Tiết 2. Kinh tế Trung Quốc.                   | <b>Nhận biết:</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Mô tả sơ lược các thành tựu của kinh tế Trung Quốc và sự phát triển của các ngành kinh tế.</li> <li>- Nêu được các thành tựu nổi bật trong công nghiệp và nông nghiệp.</li> </ul> <b>Thông hiểu:</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>- So sánh, phân tích được vì sao có sự khác biệt trong quá</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |                                                                                                             |

| Stt | Nội dung kiến thức<br>(Tên chương/bài/chủ đề) | Đơn vị kiến thức<br>(vấn đề/dạng bài tập cần lưu ý)                             | Yêu cầu kiến thức, kỹ năng cần kiểm tra                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | Thời lượng – hình thức làm bài |
|-----|-----------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------|
|     |                                               |                                                                                 | <p>trình phát triển, sự phân bố công nghiệp và nông nghiệp của 2 miền Đông - Tây.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Phân tích được sự phân bố cây trồng vật nuôi ở Trung Quốc.</li> </ul> <p><b>Vận dụng thấp:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Phân tích bảng số liệu thống kê.</li> <li>- Tính bình quân lương thực, tỷ trọng và xác định các loại biểu đồ thích hợp.</li> </ul> <p><b>Vận dụng cao:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Giải thích sự phân bố cây trồng, vật nuôi ở Trung Quốc.</li> <li>- Liên hệ chiến tranh thương mại Mỹ - Trung và tác động đến Việt Nam.</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |                                |
|     |                                               | <p><b>Bài 11.</b><br/>Tiết 1. Tự nhiên, dân cư và xã hội khu vực Đông Nam Á</p> | <p><b>Nhận biết:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Xác định được vị trí địa lí, phạm vi lãnh thổ của khu vực Đông Nam Á.</li> <li>- Trình bày đặc điểm tự nhiên của khu vực Đông Nam Á.</li> <li>- Nêu được đặc điểm dân cư và xã hội khu vực Đông Nam Á.</li> </ul> <p><b>Thông hiểu :</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- So sánh đặc điểm tự nhiên giữa Đông Nam Á lục địa và Đông Nam Á biển đảo.</li> <li>- Phân tích được những thuận lợi và khó khăn của tự nhiên đối với phát triển kinh tế.</li> <li>- Phân tích đặc điểm dân cư, văn hóa của các nước trong khu vực và ảnh hưởng của dân cư tới kinh tế.</li> </ul> <p><b>Vận dụng thấp:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Liên hệ điều kiện tự nhiên Việt Nam.</li> <li>- Tính tỷ trọng, mật độ dân số, nhận xét bảng số liệu thống kê, xác định các loại biểu đồ thích hợp.</li> </ul> <p><b>Vận dụng cao:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Phân tích vị trí chiến lược, các chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của khu vực Đông Nam Á.</li> </ul> |                                |

## 8. GDCD

| Stt | Nội dung kiến thức<br>(Tên chương/bài/chủ đề)     | Đơn vị kiến thức<br>(vấn đề/dạng bài tập cần lưu ý)                                    | Yêu cầu kiến thức, kỹ năng cần kiểm tra                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | Thời lượng – hình thức làm bài                      |
|-----|---------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------|
| 1   | <b>Chính sách dân số và giải quyết việc làm</b>   | Chính sách dân số                                                                      | <b>1) Nhận biết:</b><br>- Biết được mục tiêu và phương hướng cơ bản của chính sách dân số<br><b>2) Thông hiểu:</b><br>- Hiểu được mục tiêu và phương hướng cơ bản của chính sách dân số được thể hiện qua những việc làm cụ thể.<br>- Giải thích được các mục tiêu và phương hướng cơ bản của chính sách dân số.                                                                                                                                           | - Thời lượng: 45 phút.<br>- Hình thức: Trắc nghiệm. |
|     |                                                   | Chính sách giải quyết việc làm                                                         | <b>1) Nhận biết:</b><br>- Biết được mục tiêu và phương hướng cơ bản của chính sách giải quyết việc làm.<br><b>2) Thông hiểu:</b><br>- Hiểu được mục tiêu và phương hướng cơ bản của chính sách giải quyết việc làm.<br>- Giải thích được các mục tiêu và phương hướng cơ bản của chính sách giải quyết việc làm.<br><b>3) Vận dụng:</b><br>- Trách nhiệm của công dân trong việc thực hiện chính sách giải quyết việc làm thông qua những việc làm cụ thể. |                                                     |
|     |                                                   | Trách nhiệm của công dân trong việc thực hiện chính sách dân số và giải quyết việc làm | <b>3) Vận dụng:</b><br>- Xem xét các hành vi thực hiện mục tiêu và phương hướng của chính sách dân số và giải quyết việc làm<br><b>4) Vận dụng cao:</b><br>Định hướng được những việc làm của bản thân trong việc thực hiện chính sách dân số và giải quyết việc làm.                                                                                                                                                                                      |                                                     |
| 2   | <b>Chính sách tài nguyên và bảo vệ môi trường</b> | Chính sách tài nguyên và bảo vệ môi trường                                             | <b>1) Nhận biết:</b><br>- Nhận biết được mục tiêu và phương hướng cơ bản của chính sách tài nguyên và bảo vệ môi trường<br><b>2) Thông hiểu:</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |                                                     |

| Stt | Nội dung kiến thức<br>(Tên chương/bài/chủ đề)                | Đơn vị kiến thức<br>(vấn đề/dạng bài tập cần lưu ý)                                      | Yêu cầu kiến thức, kỹ năng cần kiểm tra                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | Thời lượng – hình thức làm bài |
|-----|--------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------|
|     |                                                              |                                                                                          | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Giải thích được các mục tiêu và phương hướng cơ bản của chính sách tài nguyên và bảo vệ môi trường</li> </ul> <b>3) Vận dụng:</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Xem xét các hành vi thực hiện mục tiêu và phương hướng của chính sách tài nguyên và bảo vệ môi trường.</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |                                |
|     |                                                              | Trách nhiệm của công dân trong việc thực hiện chính sách tài nguyên và bảo vệ môi trường | <b>Vận dụng cao:</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Định hướng được những việc làm thể hiện sự chấp hành chính sách tài nguyên và bảo vệ môi trường.</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |                                |
| 3   | <b>Chính sách giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ</b> | Nhiệm vụ và phương hướng của chính sách giáo dục và đào tạo                              | <b>1) Nhận biết:</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhận biết được nhiệm vụ và phương hướng cơ bản của chính sách giáo dục và đào tạo.</li> </ul> <b>2) Thông hiểu:</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Giải thích được các nhiệm vụ và phương hướng cơ bản của chính sách giáo dục và đào tạo.</li> </ul> <b>3) Vận dụng:</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Xem xét những hành động thực hiện chính sách giáo dục và đào tạo.</li> </ul> <b>4) Vận dụng cao</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Định hướng được những việc làm thể hiện sự chấp hành chính sách giáo dục và đào tạo.</li> </ul> |                                |
|     |                                                              | Nhiệm vụ và phương hướng của chính sách khoa học và công nghệ                            | <b>1) Nhận biết:</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhận biết được nhiệm vụ và phương hướng cơ bản của chính sách khoa học và công nghệ</li> </ul> <b>2) Thông hiểu:</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Giải thích được các nhiệm vụ và phương hướng cơ bản của chính sách khoa học và công nghệ</li> </ul> <b>3) Vận dụng:</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Xem xét những hành động thực hiện chính sách khoa học và công nghệ</li> </ul>                                                                                                                                                              |                                |

| Stt | Nội dung kiến thức<br>(Tên chương/bài/chủ đề) | Đơn vị kiến thức<br>(vấn đề/dạng bài tập cần lưu ý)                   | Yêu cầu kiến thức, kỹ năng cần kiểm tra                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | Thời lượng – hình thức làm bài |
|-----|-----------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------|
|     |                                               | Trách nhiệm của công dân trong việc thực hiện chính sách GD&ĐT, KH&CN | <b>1) Thông hiểu:</b><br>- Hiểu được trách nhiệm của công dân trong việc thực hiện chính sách giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ.<br><b>2) Vận dụng:</b><br>- Định hướng được những việc làm của bản thân trong việc thực hiện chính sách giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ.<br><b>3) Vận dụng cao:</b><br>- Định hướng được những việc làm thể hiện sự chấp hành chính sách giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ. |                                |

## 9. TIẾNG ANH

| Stt | Nội dung kiến thức<br>(Tên chương/bài/chủ đề) | Đơn vị kiến thức<br>(vấn đề/dạng bài tập cần lưu ý) | Yêu cầu kiến thức, kỹ năng cần kiểm tra                                                                                                                                                                                                   | Thời lượng – hình thức làm bài                                      |
|-----|-----------------------------------------------|-----------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------|
| 1   | UNIT 12,13                                    | SOUND                                               | <b>Nhận biết:</b><br>- Recognize the pronunciation of words in units 12,13                                                                                                                                                                | - Thời lượng: 45 phút.<br>- Hình thức: Trắc nghiệm kết hợp tự luận. |
|     |                                               | STRESS                                              | <b>Nhận biết:</b><br>- Recognize word stress in units 12,13                                                                                                                                                                               |                                                                     |
|     |                                               | COMMUNICATION                                       | <b>Nhận biết:</b><br>- Chọn đúng phần khuyết để hoàn thành đoạn hội thoại                                                                                                                                                                 |                                                                     |
|     |                                               | TENSES                                              | <b>Nhận biết:</b><br>- Chọn câu có dấu hiệu nhận biết( câu đơn)<br><b>Thông hiểu:</b><br>- Chia thì dấu hiệu nhận biết<br><b>Vận dụng:</b><br>- Chia thì dựa vào nghĩa của câu -                                                          |                                                                     |
|     |                                               | VOCABULARY                                          | <b>Nhận biết:</b><br>- Chọn đúng từ điền vào chỗ trống(dựa vào dấu hiệu)<br>- Từ vựng theo ngữ cảnh trong bài học<br><b>Thông hiểu:</b><br>- Synonym +Antonym                                                                             |                                                                     |
|     |                                               | WORD FORM                                           | <b>Nhận biết:</b><br>- Viết word form ( <b>the</b> + noun, be+ <b>adj</b> , ...)<br><b>Thông hiểu:</b><br>- Viết word form ( <b>adv</b> , <b>v</b> , <b>noun</b> )<br><b>Vận dụng:</b><br>- Viết word form dựa vào nghĩa, tiền tố, hậu tố |                                                                     |
|     |                                               | NON - DEFINING and DEFINING RELATIVE CLAUSES        | <b>Nhận biết:</b><br>- Điền vào khoảng trống (who + V, whom + pronouns, Whose + N)<br><b>Thông hiểu:</b>                                                                                                                                  |                                                                     |

| Stt | Nội dung kiến thức<br>(Tên chương/bài/chủ đề) | Đơn vị kiến thức<br>(vấn đề/dạng bài tập cần lưu ý) | Yêu cầu kiến thức, kỹ năng cần kiểm tra                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | Thời lượng – hình thức làm bài |
|-----|-----------------------------------------------|-----------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------|
|     |                                               |                                                     | - Error finding: dựa vào câu cho sẵn tìm lỗi sai trong mệnh đề quan hệ xác định (1)<br><b>Vận dụng:</b><br>- Kết hợp 2 câu<br><b>Vận dụng cao:</b><br>- Kết hợp 2 câu (tiền từ : người và vật, so sánh nhất...)                                                                                                                                                    |                                |
| 2   | UNIT 12                                       | OMISSION OF RELATIVE PRONOUNS                       | <b>Thông hiểu:</b><br>- Error finding<br><b>Vận dụng:</b><br>- Chọn đáp án đúng điền vào chỗ trống                                                                                                                                                                                                                                                                 |                                |
| 3   | UNIT 13                                       | CLEFT SENTENCES                                     | <b>Nhận biết:</b><br>- Chọn đại từ quan hệ hoặc câu nhấn mạnh ở chủ ngữ, túc từ và trạng từ thích hợp điền vào chỗ trống<br><b>Thông hiểu:</b><br>- Error finding<br><b>Vận dụng cao:</b><br>- Viết lại câu                                                                                                                                                        |                                |
| 5   | UNIT 16                                       | PASSIVE VOICE                                       | <b>Nhận biết:</b><br>- Chọn đáp án đúng là dạng bị động (3 đáp án còn lại dạng chủ động)<br><b>Vận dụng:</b><br>- Kết hợp 2 câu bắt đầu bằng từ gợi ý là lấy chủ ngữ sau "that"<br><b>Vận dụng cao:</b><br>- Cho câu gợi ý là trường hợp 1: It is/ was +V3 that..., viết lại câu theo cách 2: lấy chủ ngữ sau "that" ra làm chủ ngữ của câu bị động hoặc ngược lại |                                |
| 6   | UNIT 12,13                                    | READING                                             | <b>Nhận biết:</b><br>- Cho đoạn văn theo chủ đề, nhận biết chọn từ phù hợp nhờ vào dấu hiệu nhận biết (giới từ, adj+n, ..)<br><b>Thông hiểu:</b>                                                                                                                                                                                                                   |                                |

| <b>Stt</b> | <b>Nội dung kiến thức</b><br>(Tên chương/bài/chủ đề) | <b>Đơn vị kiến thức</b><br>(vấn đề/dạng bài tập cần lưu ý) | <b>Yêu cầu kiến thức, kỹ năng cần kiểm tra</b>                                                                                                                                                                                                     | <b>Thời lượng – hình thức làm bài</b> |
|------------|------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------|
|            |                                                      |                                                            | <p>- Đoạn văn cho sẵn, lựa chọn câu trả lời (câu trả lời bám sát sử dụng các các câu từ của đoạn văn )</p> <p><b>Vận dụng cao:</b></p> <p>- Đọc đoạn văn cho sẵn ,lựa chọn câu trả lời (câu trả lời này phải suy luận , thấu hiểu từ đoạn văn)</p> |                                       |